

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**  
**25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa**  
☎ ◆ ☎

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Quý II/2016**

CÔNG TY CỔ PHẦN  
THANH HOA – SÔNG ĐÀ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
--❖--

Số: 113/CBTT

“V/v công bố thông tin”

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 07 năm 2016

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước  
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

1. Tên công ty : Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà
2. Mã Chứng khoán : THS
3. Địa chỉ trụ sở chính : 25 Đại Lộ Lê Lợi - Phường Lam Sơn - T P Thanh Hóa
4. Điện Thoại : 0373. 724892 Fax: 0373.855750
5. Người đại diện công bố thông tin: **Vũ Thị Lý**

**6. Nội dung của thông tin công bố:**

- Báo cáo tài chính Quý II năm 2016

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ thông tin: <http://Thanhhoasongda.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



*Vũ Thị Lý*

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>30,759,969,100</b>	<b>37,984,228,653</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>1,702,987,037</b>	<b>4,262,820,841</b>
1. Tiền	111		1,702,987,037	2,362,820,841
2. Các khoản tương đương tiền	112			1,900,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	129		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>10,760,368,036</b>	<b>13,146,597,468</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	5,765,944,362	5,847,676,727
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1,265,495,795	2,345,396,983
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	V.3	5,443,901,702	6,114,691,680
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.3	(1,714,973,823)	(1,161,167,922)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>18,155,464,417</b>	<b>19,704,317,153</b>
1. Hàng tồn kho	141		18,155,464,417	19,704,317,153
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>141,149,610</b>	<b>870,493,191</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	36,715,809	57,412,177
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		104,433,801	813,081,014
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10		

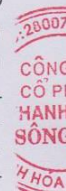
Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>39,594,773,939</b>	<b>37,466,737,318</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11,389,652,366</b>	<b>9,120,968,239</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	11,389,652,366	9,120,968,239
<i>Nguyên giá</i>	222		19,102,371,233	16,582,444,265
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223		(7,712,718,867)	(7,461,476,026)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.8</b>	<b>24,330,530,007</b>	<b>24,922,196,019</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		32,354,818,563	32,354,818,563
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	232		(8,024,288,556)	(7,432,622,544)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3,743,323,437</b>	<b>3,255,564,437</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6	3,743,323,437	3,255,564,437
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>131,268,129</b>	<b>168,008,623</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	131,268,129	168,008,623
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>70,354,743,039</b>	<b>75,450,965,971</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016

<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>35,133,409,603</b>	<b>40,180,182,751</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>24,858,409,603</b>	<b>28,205,182,750</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	14,207,125,348	11,874,480,487
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,110,893,233	536,418,349
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	926,448,940	441,803,028
4. Phải trả người lao động	314		210,946,246	680,284,366
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	1,661,811,148	502,758,282
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	274,824,532	123,885,292
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	6,132,405,000	13,894,093,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		333,955,156	151,459,946
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10,275,000,000</b>	<b>11,975,000,001</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15	10,275,000,000	11,975,000,001
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>35,221,333,436</b>	<b>35,270,783,220</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>35,221,333,436</b>	<b>35,270,783,220</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30,000,000,000	30,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30,000,000,000	30,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(2,162,020,000)	(2,162,020,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4,588,394,010	4,272,394,010
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2,794,959,426	3,160,409,210
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		-	3,160,409,210
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2,794,959,426	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

3



**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016

<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	-	-
1. Nguồn kinh phí	432	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>70,354,743,039</b>	<b>75,450,965,971</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Vũ Thị Lý

Lập, ngày 30 tháng 07 năm 2016



Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Hải



**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Quý này	Năm trước	Năm trước	
<b>CHỈ TIÊU</b>							
1.	01	VI.1	70,790,811,025	62,932,915,473	134,175,575,214	113,070,475,753	
2.	02				545,454		
3.	10	VI.2	70,790,811,025	62,932,915,473	134,175,029,760	113,070,475,753	
4.	11	VI.2	67,276,199,245	59,825,505,430	127,586,652,969	106,955,979,236	
5.	20	VI.3	<b>3,514,611,780</b>	<b>3,107,410,043</b>	<b>6,588,376,791</b>	<b>6,114,496,517</b>	
6.	21	VI.3	100,855,481	89,473,349	197,956,452	167,667,292	
7.	22	VI.4	157,466,249	42,553,072	345,724,954	63,806,942	
8.	23	VI.4	157,466,249	42,553,072	345,724,954	63,806,942	
9.	24	VI.7	2,139,466,934	2,028,784,048	3,946,935,992	3,823,021,639	
10.	25	VI.7	1,387,022,062	1,105,836,733	2,663,297,711	2,007,766,647	
11.	30		<b>(68,487,984)</b>	<b>19,709,539</b>	<b>(169,625,414)</b>	<b>387,568,581</b>	
12.	31	VI.5	4,150,108,743	1,315,186,281	4,450,302,396	2,246,014,440	
13.	32	VI.6	479,039,247	432,507,462	697,099,512	707,407,010	
14.	40		<b>3,671,069,496</b>	<b>882,678,819</b>	<b>3,753,202,884</b>	<b>1,538,607,430</b>	
15.	50		<b>3,602,581,512</b>	<b>902,388,358</b>	<b>3,583,577,470</b>	<b>1,926,176,011</b>	
16.	51	VI.10	788,618,043	198,525,439	788,618,043	423,758,723	
17.	52						
18.	60		<b>2,813,963,469</b>	<b>703,862,919</b>	<b>2,794,959,427</b>	<b>1,502,417,288</b>	
19.	70		1,042	261	1,035	556	
20.	71						

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Vũ Thị Lý

Kế toán trưởng



**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Quý II năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3,583,577,470	1,926,176,011
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		1,045,680,076	810,626,535
- Các khoản dự phòng	03		553,805,901	51,783,096
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3,326,864,189)	(167,667,291)
- Chi phí lãi vay	06		345,724,954	63,806,942
- Các khoản điều chỉnh khác				
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2,201,924,212	2,684,725,290
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2,541,070,744	566,602,771
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1,548,852,736	(1,143,446,815)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2,087,469,113	1,525,362,362
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		57,436,862	(37,998,117)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(345,724,954)	(63,806,942)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(343,667,514)	(237,318,712)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(96,914,001)	(153,616,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>7,650,447,198</b>	<b>3,140,503,839</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3,271,549,454)	(665,040,363)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3,190,000,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		197,956,452	167,667,292
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>116,406,998</b>	<b>(497,373,071)</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		từ đầu năm đến cuối Năm nay	Năm nay
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	86,552,234,057	33,188,587,287
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(94,313,922,057)	(32,484,201,063)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2,565,000,000)	(1,890,000,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>(10,326,688,000)</b>	<b>(1,185,613,776)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(2,559,833,804)</b>	<b>1,457,516,992</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60 V.1</b>	<b>4,262,820,841</b>	<b>5,600,792,477</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70 V.1</b>	<b>1,702,987,037</b>	<b>7,058,309,469</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Vũ Thị Lý

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Hải

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2016

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II năm 2016

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thanh Hoa – Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê và kinh doanh hàng hóa.

**4. Chu kỳ năm sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ năm sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc Công ty**

*Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp thương mại – Dịch vụ số 1	Lô G3 Khu công nghiệp Tây Bắc Ga, Đông Thọ, Thanh Hóa
Xí nghiệp thương mại – Dịch vụ số 2	Số 13 Cao Thắng, P. Lam Sơn, TP Thanh Hóa
Xí nghiệp thương mại – Dịch vụ số 3	Số 301 đường Trần Phú, P.Ba Đình, Thanh Hóa
Xí nghiệp thương mại – Dịch vụ số 6	Lô G3 Khu công nghiệp Tây Bắc Ga, Đông Thọ, Thanh Hóa

**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính..

**7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc Q1/2016 Công ty có 69 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 70 nhân viên).

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2016

trường Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính; và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không năm hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2016

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là hàng hóa được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 20
Máy móc và thiết bị	4 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 8

## CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2016

### 8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà và cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 36

### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 11. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### 12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2016

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá***

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều năm được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **14. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### **15. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2016

### **16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **18. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **19. Công cụ tài chính**

#### ***Tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### ***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## **V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2016**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.305.749.530	1.422.059.631
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	397.237.507	940.761.210
Các khoản tương đương tiền		1.900.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng		1.900.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.702.987.037</u></b>	<b><u>4.262.820.841</u></b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>5.765.944.362</b>	<b>5.847.676.727</b>
Công ty TNHH Thương mại Công nghệ Điện tử Tin học G8	539.934.000	946.143.000
Bà Trần Thị Tâm		600.900.000
Các khách hàng khác	5.226.010.362	4.300.633.727
<b>Cộng</b>	<b><u>5.765.944.362</u></b>	<b><u>5.847.676.727</u></b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<b>4.021.522.638</b>	<b>2.345.396.983</b>
Công ty Cổ phần May Sông Hồng	59.477.523	983.480.044
Công ty Cổ phần Thiết kế Phạm Vũ Nguyễn		411.440.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tây Á	761.702.000	435.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Thương mại Minh Cường		456.000.000
Cty Hà Nội Chinghai	427.096.900	
Các nhà cung cấp khác	17.219.372	59.476.939
<b>Cộng</b>	<b><u>1.265.495.795</u></b>	<b><u>2.345.396.983</u></b>

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>403.478.300</b>		<b>6.134.691.680</b>	<b>403.478.300</b>
Phải thu tiền thưởng của Điện lạnh Hòa phát			1.738.803.271	
Phải thu tiền thưởng của Công ty Hà Nội Ching Hai Electric Works Co.Ltd	180.000.000		200.000.000	
Phải thu tiền thưởng của Công ty sứ Hải Dương			377.223.500	
Phải thu lãi ký quỹ, tiền thưởng doanh số	244.000.000		239.000.000	
Ký cược, ký quỹ	3.000.000.000		3.070.000.000	
Tạm ứng	263.801.260		9.736.968	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.741.945.568	403.478.300	479.927.941	403.478.300
<b>Cộng</b>	<b><u>5.443.901.702</u></b>	<b><u>403.478.300</u></b>	<b><u>6.134.691.680</u></b>	<b><u>403.478.300</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2016

**5. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>						
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		<b>1.851.512.065</b>	<b>426.809.300</b>		<b>1.451.574.017</b>	<b>435.900.020</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Trang – <i>Phải thu tiền bán hàng</i>	2 năm	44.060.000	13.218.000	1 năm	59.060.000	29.530.000
Cty Cổ phần Huy Phát – <i>Phải thu tiền bán hàng</i>	3 năm	391.935.278		2 năm	391.935.278	117.580.583
Cty TNHH MTV TM Xuất nhập khẩu Minh Thảo - <i>tiền ứng trước thực hiện hợp đồng</i>	3 năm	355.900.000		3 năm	355.900.000	
Cty TNHH Quang Minh – <i>tiền bán hàng</i>	3 năm	112.625.501		2 năm	112.625.501	33.787.650
Cty TNHH Toàn Thắng - <i>phải thu tiền bán hàng</i>	1 năm	331.690.000	232.183.000	6 tháng	180.000.000	126.000.000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác					76.814.000	53.769.800
	1 năm	228.968.378	160.277.865	1 năm	22.188.000	11.632.600
	2 năm	42.260.870	21.130.435	2 năm	212.682.538	63.804.761
	3 năm	344.072.038		3 năm	196.068.000	-
<b>Cộng</b>		<b>1.851.512.065</b>	<b>426.809.300</b>		<b>1.597.273.317</b>	<b>436.105.395</b>

(i) Tình hình biến động dự phòng công nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	1.161.167.922		1.161.167.922
Trích lập dự phòng bổ sung	573.452.501		111.418.819
Hoàn nhập dự phòng	35.846.600		
Xử lý công nợ không thu hồi được			
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.698.773.823</b>		<b>1.272.586.741</b>

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	18.155.464.417	16.200.000	19.704.317.153	
<b>Cộng</b>	<b>18.155.464.417</b>	<b>16.200.000</b>	<b>19.704.317.153</b>	

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**

**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	15.889.384	16.831.991
Chi phí bảo hiểm	16.765.679	12.236.186
Phí sử dụng đường bộ	2.357.000	1.372.750
Chi phí sửa chữa lắp đặt	1.703.746	6.971.250
Chi phí thuê kho		20.000.000
<b>Cộng</b>	<b>36.715.809</b>	<b>57.412.177</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2016

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	104.609.385	120.576.056
Chi phí sửa chữa, lắp đặt	26.658.743	46.092.713
Phí kiểm định		1.339.853
<b>Cộng</b>	<b><u>131.268.128</u></b>	<b><u>168.008.623</u></b>

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	9.227.563.052	3.347.188.824	3.545.139.938	462.552.451	16.582.444.265
Mua trong năm	2.783.790.454				2.783.790.454
Thanh lý, nhượng bán	255.681.668	8.181.818			263.863.486
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>11.755.671.838</u></b>	<b><u>3.339.007.006</u></b>	<b><u>3.545.139.938</u></b>	<b><u>462.552.451</u></b>	<b><u>19.102.371.233</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	237.054.576	3.339.007.006	1.251.238.210	462.552.451	5.289.852.243
Chờ thanh lý		434.267.098			434.267.098
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	1.142.730.877	3.347.188.826	2.509.003.874	462.552.451	7.461.476.026
Khấu hao trong năm	274.529.014		179.485.051		454.014.064
Thanh lý nhượng bán	194.589.405	8.181.818			194.589.405
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>1.222.670.486</u></b>	<b><u>3.339.007.006</u></b>	<b><u>2.688.488.925</u></b>	<b><u>462.552.451</u></b>	<b><u>7.712.718.866</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	8.084.832.175		1.036.136.064		9.120.968.239
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>10.533.001.352</u></b>		<b><u>856.651.014</u></b>		<b><u>11.389.652.367</u></b>

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 2.313.117.510 VND và 0 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa.

**9. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà và cơ sở hạ tầng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	32.354.818.563	7.432.622.544	24.922.196.019
Tăng trong năm		591.666.012	
Giảm trong năm			
<b>Cộng</b>	<b><u>32.354.818.563</u></b>	<b><u>8.024.288.556</u></b>	<b><u>24.330.530.007</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2016

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Siêu thị 301 Trần Phú	5.361.016.967	2.055.056.531	3.305.960.436
Trung tâm Thương mại 25 Lê Lợi	15.488.315.193	3.859.892.840	11.628.422.353
Showroom Bắc Cầu Hạc	11.505.486.403	2.109.339.185	9.396.147.218
<b>Cộng</b>	<b>32.354.818.563</b>	<b>8.024.288.556</b>	<b>24.330.530.007</b>

Bất động sản đầu tư là Trung tâm Thương mại 25 Lê Lợi có giá trị còn lại theo sổ sách là 11.628.422.353VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa.

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển</u>	<u>Số cuối năm</u>
			<u>vào TSCĐ trong năm</u>	
Xây dựng cơ bản dở dang	3.255.564.437	3.271.549.454	2.783.790.454	3.743.323.437
<i>Công trình Bắc Cầu Hạc</i>	3.255.564.437	487.759.000		3.743.323.437
<i>Công trình kho Tây Bắc Ga</i>		2.783.790.454	2.783.790.454	
<b>Cộng</b>	<b>3.255.564.437</b>	<b>3.271.549.454</b>	<b>2.783.790.454</b>	<b>3.743.323.437</b>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn****11a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<b>17.564.059.965</b>	<b>11.874.480.487</b>
Công ty Cổ phần sứ Hải Dương	1.420.386.763	3.691.775.641
Công ty Cổ phần Tráng men nhôm Hải Phòng		165.046.254
Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	3.105.074.802	2.952.500.619
Cty TNHH Một thành viên Quang điện - Điện tử	974.113.000	693.083.000
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	4.568.931.749	2.097.222.108
Công ty Cổ phần Nội thất 190	243.753.419	356.767.225
Công ty Cổ phần Xi măng Hoà Phát	1.120.630.540	1.120.630.540
Công ty Cổ phần Nội thất Hoà phát	1.178.474.798	561.720.087
Công ty Cổ phần Gốm sứ Chu Đậu Hải Dương	10.882.360	10.882.360
Các nhà cung cấp khác	1.584.877.917	224.852.653
<b>Cộng</b>	<b>14.207.125.348</b>	<b>11.874.480.487</b>

**Nợ quá hạn chưa thanh toán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Nợ quá hạn của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác</i>	<b>42.705.707</b>	<b>42.705.707</b>
Công ty Cổ phần Nhựa Hưng Yên	29.000.000	29.000.000
Công ty CP Sản xuất và TM điện cơ Hà Nội	13.415.699	13.415.699
<b>Cộng</b>	<b>42.705.707</b>	<b>42.705.707</b>

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước các nhà cung cấp khác</i>	<b>4.599.490.162</b>	<b>536.418.349</b>
Cty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Tây Đô		200.000.000
CTY TNHH Mai Luyến	242.830.000	

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2016

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
CTY CP Bigway Việt	481.935.484	
CTY TNHH TM&DV Hà Thành	400.000.000	
Các nhà cung cấp khác	228.957.749	336.418.349
<b>Cộng</b>	<b><u>1.110.893.233</u></b>	<b><u>536.418.349</u></b>

**Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa		4.689.228	2.774.220	1.915.008
Thuế thu nhập doanh nghiệp	343.667.514	788.618.043	343.667.514	788.618.043
Thuế thu nhập cá nhân	21.444.429	147.458.172	32.986.712	135.915.889
Tiền thuế đất	76.691.085	941.834.157	1.018.525.242	
Các loại thuế khác		7.000.000	7.000.000	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác				
<b>Cộng</b>	<b><u>441.803.028</u></b>	<b><u>1.889.599.600</u></b>	<b><u>1.404.953.688</u></b>	<b><u>926.448.940</u></b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.583.577.470	4.085.158.377
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		54.274.199
- Các khoản điều chỉnh tăng ( phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế)	1.050.000	54.444.926
- Các khoản điều chỉnh giảm ( CLTG chưa thực hiện đánh giá lại khoản mục tiền tệ)		(170.727)
Thu nhập chịu thuế	3.584.627.470	4.139.432.576
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	3.584.627.470	4.139.432.576
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>788.618.043</b>	<b>910.675.167</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</b>		
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>		
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>788.618.043</u></b>	<b><u>910.675.167</u></b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>		<b>14.074.000</b>
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>788.618.043</u></b>	<b><u>924.749.167</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2016

**Tiền thuê đất, thuế nhà đất**

Tiền thuê đất, thuế nhà đất được nộp theo thông báo cơ quan thuế

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**13. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn****13a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>		
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.661.811.148	502.758.282
Tiền thưởng doanh số	330.622.049	308.237.195
Doanh thu cho thuê văn phòng nhận trước	1.331.189.099	194.521.087
<b>Cộng</b>	<b><u>1.661.811.148</u></b>	<b><u>502.758.282</u></b>

**13b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>		
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	10.275.000.000	11.975.000.001
Doanh thu cho thuê văn phòng nhận trước	10.275.000.000	11.975.000.001
<b>Cộng</b>	<b><u>10.275.000.000</u></b>	<b><u>11.975.000.001</u></b>

**14. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	274.824.532	123.885.292
Tiền ký quỹ của người lao động	20.448.133	32.580.133
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	253.457.525	90.791.075
Kinh phí công đoàn	918.874	514.084
<b>Cộng</b>	<b><u>274.824.532</u></b>	<b><u>123.885.292</u></b>

**15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>				
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	6.132.405.000	6.132.405.000	13.894.093.000	13.894.093.000
<i>Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa(i)</i>	6.132.405.000	6.132.405.000	13.894.093.000	13.894.093.000
<b>Cộng</b>	<b><u>6.132.405.000</u></b>	<b><u>6.132.405.000</u></b>	<b><u>13.894.093.000</u></b>	<b><u>13.894.093.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2016

(i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Thanh Hóa theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 3500/HS/2014/004/HĐTD ngày 05 tháng 12 năm 2014 với hạn mức là 11.500.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 7%/năm, thời hạn cấp tín dụng đến 218/11/2015. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ công trình xây dựng trung tâm thương mại 25 Lê Lợi- Thanh Hóa và một số máy móc, thiết bị khác theo hợp đồng thế chấp tài sản số 02-2014 THSD/BBĐG ngày 02 tháng 12 năm 2014 (xem thuyết minh số V9).

(ii) Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<b>Số tiền</b>
Số đầu năm	<b>13.894.093.000</b>
Số tiền vay phát sinh	86.552.234.057
Số tiền vay đã trả	94.313.922.057
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.132.405.000</b>

**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Số đầu kỳ</b>	<b>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</b>	<b>Chi quỹ trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Quỹ khen thưởng	71.249.222	179.409.210	72.500.000	178.158.432
Quỹ phúc lợi	80.210.724	100.000.000	24.414.000	59.736.724
<b>Cộng</b>	<b>151.459.946</b>	<b>279.409.210</b>	<b>96.914.000</b>	<b>333.955.156</b>

**17. Vốn chủ sở hữu**

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số dư đầu năm nay	30.000.000.000	(2.162.020.000)	4.272.394.010	3.160.409.210	35.270.783.220
Lợi nhuận trong năm nay				2.794.959.426	2.794.959.426
Trích lập các quỹ			316.000.000	595.409.210	
Chia cổ tức				2.565.000.000	
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>(2.162.020.000)</b>	<b>4.588.394.010</b>	<b>2.794.959.426</b>	<b>35.221.333.436</b>

**17a. Cổ phiếu**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	3.000.000	3.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.000.000	3.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	300.000	300.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	300.000	300.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.700.000	2.700.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**17b. Phân phối lợi nhuận**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2016

Lợi nhuận sau thuế năm 2015	: 3.160.409.210
- Chia cổ tức 9,5%	: 2.565.000.000đ
- Quỹ đầu tư phát triển	: 316.000.000đ
- Quỹ phúc lợi	: 100.000.000đ
- Quỹ khen thưởng	: 179.409.210đ

**VI.****1. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****1a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	423,19	423,93

**1b. Nợ khó đòi đã xử lý: Không có****VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	129.469.688.920	108.320.490.519
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.705.340.840	4.749.985.234
<b>Cộng</b>	<b><u>134.175.029.760</u></b>	<b><u>113.070.475.753</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	126.053.152.800	105.678.111.896
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.533.500.169	1.277.867.340
<b>Cộng</b>	<b><u>127.175.029.760</u></b>	<b><u>106.955.979.236</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	197.956.452	167.667.292
<b>Cộng</b>	<b><u>197.956.452</u></b>	<b><u>167.667.292</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	345.724.954	63.806.942
<b>Cộng</b>	<b><u>345.724.954</u></b>	<b><u>63.806.942</u></b>

**5. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	3.196.817.270	

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2016

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền điện cho thuê mặt bằng	535.300.700	662.615.871
Hàng khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng	705.581.426	1.583.398.510
Thu nhập khác	12.603.000	59
<b>Cộng</b>	<b>1.253.485.126</b>	<b>2.246.014.440</b>

**6. Chi phí khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	61.092.263	
Tiền điện cho thuê mặt bằng	525.266.925	659.610.436
Chi phí phạt do thanh lý HĐ	105.000.000	
Chi phí khác	5.740.324	47.796.574
<b>Cộng</b>	<b>697.099.512</b>	<b>707.407.010</b>

**7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	999.989.700	1.002.614.480
Chi phí vật liệu quản lý	24.783.982	42.282.003
Chi phí đồ dùng văn phòng	89.057.389	49.923.409
Chi phí khấu hao TSCĐ	86.403.066	86.403.066
Thuế, phí và lệ phí	-35.300.000	79.116.288
Chi phí dự phòng	553.805.901	95.176.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.043.117	15.091.515
Chi phí bằng tiền khác	909.514.556	637.511.480
<b>Cộng chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>2.663.297.711</b>	<b>2.007.766.647</b>
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	1.823.361.732	1.965.096.599
Chi phí vật liệu, bao bì	172.517.972	4.564.872
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	56.476.244	61.335.212
Chi phí khấu hao TSCĐ	366.860.998	132.557.457
Chi phí dịch vụ mua ngoài	493.128.640	586.356.938
Chi phí bằng tiền khác	1.034.590.406	1.073.110.561
<b>Cộng chi phí bán hàng</b>	<b>3.946.935.992</b>	<b>3.823.021.639</b>
<b>Cộng</b>	<b>6.610.233.703</b>	<b>5.830.788.286</b>

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	342.835.587	158.105.496
Chi phí nhân công	2.823.351.432	2.967.711.079
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.045.480.076	810.626.535



**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2016

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	528.171.757	601.448.451
Chi phí khác	3.403.695.020	2.570.764.065
<b>Cộng</b>	<b>8.143.733.872</b>	<b>7.108.655.626</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cộng</b>	<b>788.618.043</b>	<b>423.758.723</b>

**VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

- Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**  
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 86.552.234.057đ
- Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**  
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 94.313.922.057đ

**IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	551.099.310	478.047.510
Phụ cấp	210.000.000	210.000.000
<b>Cộng</b>	<b>761.099.000</b>	<b>688.047.510</b>

**2. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh đầu kỳ đang lấy theo số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tại Hà Nội (A&C)

Lập ngày 20 tháng 07 năm 2016

Nguyễn Thị Thanh Thủy  
Người lập biểu

Vũ Thị Lý  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN  
THANH HOA - SÔNG ĐÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 162/2016/CV- TGD

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 07 năm 2016

**Kính gửi:** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà xin gửi lời chào trân trọng, cảm ơn Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã tạo điều kiện giúp đỡ Công ty trong thời gian qua.

Công ty CP Thanh Hoa – Sông Đà báo cáo giải trình về việc chênh lệch kết quả SXKD Quý II năm 2016 so với cùng kỳ năm 2015.

Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý II/2016 là: 2.813.963.469 đồng, so với kết quả kinh doanh cùng kỳ năm 2015 là: 703.862.919 đồng, chênh lệch tăng: 2.110.100.550 đồng

Cụ thể như sau:

Nội dung	Năm nay	Năm trước	Biến động
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	70,790,811,025	62,932,915,473	7,857,895,552
Giá vốn hàng bán	67,276,199,245	59,825,505,430	7,450,693,815
Doanh thu hoạt động tài chính	100,855,481	89,473,349	11,382,132
Chi phí tài chính	157,466,249	42,553,072	114,913,177
Chi phí bán hàng	2,139,466,934	2,028,784,048	110,682,886
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,387,022,062	1,105,836,733	281,185,329
Thu nhập khác	4,150,108,743	1,315,186,281	2,834,922,462
Chi phí khác	479,039,247	432,507,462	46,531,785
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	<b>3,602,581,512</b>	<b>902,388,358</b>	<b>2,700,193,154</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	788,618,043	198,525,439	590,092,604
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	<b>2,813,963,469</b>	<b>703,862,919</b>	<b>2,110,100,550</b>

Quý II/2016, chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp là: 3.602.581.512 đồng, tăng **2.700.193.154** đồng so với Quý II/2015.

Nguyên nhân chủ yếu là:

1. Trong kỳ, công ty chuyển nhượng tài sản trên đất tại Thị trấn Giát, Huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa (do không có nhu cầu sử dụng, hiệu quả kinh tế thấp), lợi nhuận từ hoạt động chuyển nhượng này mang lại là: **3.120.725.919đ**

2. Từ tháng 10/2015, Công ty đầu tư mua và xây dựng 01 kho hàng ở Khu công nghiệp Tây Bắc Ga. Số tiền đầu tư 10,7 tỷ đồng. Đến tháng 05/2016, kho mới hoàn thành được đưa vào sử dụng và phát sinh doanh thu từ tháng 06/2016.



Chi phí phát sinh cho khoản đầu tư trên trong tháng 4,5/2016 là: **191.499.000đ**

(*Bao gồm chi phí khấu hao TSCĐ: 66.666.000đ, chi phí lãi vay: 124.833.000đ*)

3. Hiện nay công ty đang kinh doanh mặt hàng điện lạnh của Công ty TNHH điện lạnh Hòa Phát, doanh số 6 tháng đầu năm đạt: 30,6 tỷ đồng, theo chính sách của nhà máy, công ty được hưởng tiền thưởng doanh số là : **1.073.884.454 đ** (tỷ lệ 3,5%)

Số tiền thưởng này Công ty TNHH điện lạnh Hòa Phát thông báo và trừ công nợ cho công ty trong tháng 7/2016, do đó công ty hạch toán thu nhập trong tháng 7/2016.

Như vậy Quý II/2016 so với cùng kỳ 2015, thu nhập từ chuyển nhượng tài sản trên đất phát sinh 3.120.725.919đ, chi phí đầu tư kho tăng 191.499.000đ, khoản tiền thưởng từ Công ty TNHH điện lạnh Hòa Phát chưa hạch toán 1.073.884.454đ là những chi tiêu cơ bản làm cho lợi nhuận Quý II năm nay tăng cao so với cùng kỳ năm trước.

Trên đây là giải trình của Công ty, kính mong Quý cơ quan xem xét.

**Trân trọng!**

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT HĐQT (b/c)
- Lưu KT.

CTY CỔ PHẦN THANH HÒA - SÔNG ĐÀ



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Thanh Hải*

